

Số: **1982**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **27** tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng tài năng học kỳ 2 năm 2025 cho sinh viên khóa TN_23D, TN_24D chương trình tài năng trình độ đại học hình thức chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing phê duyệt Đề án đào tạo cử nhân tài năng Ngành Tài chính – Ngân hàng, mã ngành: 7340201;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-ĐHTCM ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên chương trình tài năng hình thức chính quy của Trường;

Căn cứ Quyết định số 1833/QĐ-ĐHTCM ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing quy định mức học phí các chương trình, các khóa và các hệ đào tạo năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-ĐHTCM ngày 26/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing quy định mức học phí các chương trình, các khóa và các hệ đào tạo tuyển sinh năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 1793/TB-ĐHTCM ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét chế độ chính sách và xét học bổng tài năng học kỳ 2 năm 2025 cho sinh viên hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng tài năng học kỳ 2 năm 2025 cho **94** sinh viên khóa TN_23D, TN_24D chương trình tài năng trình độ đại học hình thức chính quy với tổng số tiền: **592.130.000đ** (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ danh sách sinh viên và mức tiền học bổng đã được quy định tại Điều 1, Phòng Tài chính – Kế toán chịu trách nhiệm chi trả tiền học bổng cho sinh viên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Phòng: Công tác sinh viên, Tài chính – Kế toán, Thanh tra – Pháp chế, Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng; Khoa Tài chính – Ngân hàng; Đoàn thanh niên và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCKT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP: HỌC BỔNG TÀI NĂNG HỌC KỲ 2 NĂM 2025 CHO SINH VIÊN KHÓA TN_23D, TN_24D
CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY
(Kèm theo Quyết định số **1982** /QĐ-ĐHTCM ngày **27** /6/2025)

STT	Mức học phí				Mức học bổng tài năng			Tổng cộng	
	Khóa học	Mức học phí 1 năm học (đ)	Khóa học	Mức học phí 1 năm học (đ)	1 năm học (đ) (6)=(5)-(3)	Toàn khóa học (đ) (7)=(6)*4	1 học kỳ (đ) 1 khóa học chia 10 học kỳ (8)=(7)/10	Số lượng SV	Số tiền hỗ trợ (đ) (10)=(8)*(9)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Khóa 23D	25.000.000	Khóa TN_23D	40.000.000	15.000.000	60.000.000	6.000.000	36	216.000.000
2	Khóa 24D	28.000.000	Khóa TN_24D	45.000.000	17.000.000	68.000.000	6.800.000	49	333.200.000
Khóa TN_23D SV được miễn học phần Tiếng Anh 4 (3 tín chỉ)									
	Khóa học	Mức học phí 1 tín chỉ (đ)	Khóa học	Mức học phí 1 tín chỉ (đ)	Mức tiền chênh lệch 1 tín chỉ giữa 2 chương trình (đ) (6)=(5)-(3)	Mức tiền chênh lệch học kỳ 2/2025 (đ) (7)=(6)*3	Học bổng TN học kỳ 2/2025 (mức học bổng 1 học kỳ - mức tiền chênh lệch học kỳ 2/2025)	Số lượng SV	Số tiền hỗ trợ (đ) (10)=(8)*(9)
3	Khóa 23D	774.000	Khóa TN_23D	1.184.000	410.000	1.230.000	4.770.000	9	42.930.000
Cộng:								94	592.130.000

Năm trăm chín mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn././

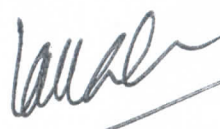
NGƯỜI LẬP

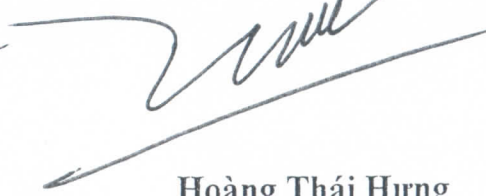
TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

TÀI HIỆU TRƯỞNG









Thái Thị Lan Anh

Nguyễn Lai Dương Phong

Hoàng Thái Hưng

★ Phạm Tiến Đạt

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG TÀI NĂNG HỌC KỲ 2 NĂM 2025
KHÓA TN_23D, TN_24D CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY
(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-ĐHTCM ngày 27/6/2025)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh
I	KHÓA TN_23D								
1	2321003208	Đặng Văn	Anh	30/07/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041743731	VCB	Kỳ Đồng
2	2321003214	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	25/10/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041744951	VCB	Kỳ Đồng
3	2321002698	Lê Xuân	Cường	19/12/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060583	VCB	Kỳ Đồng
4	2321003243	Nguyễn Trần Thế	Dân	21/03/2002	TN_23DTC01	6.000.000	1041744940	VCB	Kỳ Đồng
5	2321002700	Trương Thị	Diễm	15/05/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060657	VCB	Kỳ Đồng
6	2321002725	Phan Thị Mỹ	Duyên	29/07/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043061764	VCB	Kỳ Đồng
7	2321002731	Đoàn Đức	Dương	01/05/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060820	VCB	Kỳ Đồng
8	2321002739	Phan Hoàng Tiến	Đạt	15/07/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043029895	VCB	Kỳ Đồng
9	2321002741	Hồ Minh	Đăng	26/10/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043029891	VCB	Kỳ Đồng
10	2321003302	Bùi Võ Bách	Hợp	16/11/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041741635	VCB	Kỳ Đồng
11	2321002841	Nguyễn Thu	Kỳ	12/11/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060794	VCB	Kỳ Đồng
12	2321002824	Phạm Lê Đăng	Khoa	16/02/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060701	VCB	Kỳ Đồng
13	2321002854	Huỳnh Ánh	Linh	08/07/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043029890	VCB	Kỳ Đồng
14	2321002868	Vũ Hà Khánh	Linh	27/09/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041742248	VCB	Kỳ Đồng
15	2321003363	Vũ Phương	Minh	26/11/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041742237	VCB	Kỳ Đồng
16	2321002950	Lê Trần Yến	Nhi	14/02/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043029899	VCB	Kỳ Đồng
17	2321002951	Lương Thị Yến	Nhi	18/06/2005	TN_23DTC01	6.000.000	9931475202	VCB	Kỳ Đồng



Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh
18	2321003428	Nguyễn Cao	Phát	23/11/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041741175	VCB	Kỳ Đồng
19	2321002980	Nguyễn Trường	Phát	20/07/2004	TN_23DTC01	6.000.000	1043029901	VCB	Kỳ Đồng
20	2321003437	Phạm Nguyễn Nam	Phương	28/09/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041743039	VCB	Kỳ Đồng
21	2321003030	Luyện Nhất	Tâm	05/07/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041742848	VCB	Kỳ Đồng
22	2321003094	Vũ	Tiến	12/03/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041744750	VCB	Kỳ Đồng
23	2321003159	Trần Bùi Hồng	Tươi	15/03/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041742522	VCB	Kỳ Đồng
24	2321003040	Lê Thị Phương	Thảo	06/10/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060422	VCB	Kỳ Đồng
25	2321003044	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/12/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043029885	VCB	Kỳ Đồng
26	2321003476	Nguyễn Hưng	Thịnh	26/02/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043061816	VCB	Kỳ Đồng
27	2321003058	Võ Thị Anh	Thơ	12/09/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043061481	VCB	Kỳ Đồng
28	2321003066	Đỗ Minh	Thư	06/10/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041745065	VCB	Kỳ Đồng
29	2321003488	Lê Minh	Thư	12/12/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041742856	VCB	Kỳ Đồng
30	2321003516	Nguyễn Phạm Mai	Trang	29/01/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041740911	VCB	Kỳ Đồng
31	2321003114	Chung Quế	Trân	26/07/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043029902	VCB	Kỳ Đồng
32	2321003122	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	12/06/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060702	VCB	Kỳ Đồng
33	2321003541	Đậu Phương	Uyên	24/05/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041744496	VCB	Kỳ Đồng
34	2321003165	Nguyễn Phan Phương	Uyên	15/01/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043029896	VCB	Kỳ Đồng
35	2321003170	Đinh Thị Khánh	Vân	21/11/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1043060819	VCB	Kỳ Đồng
36	2321003566	Hoàng Hải	Yến	08/04/2005	TN_23DTC01	6.000.000	1041744992	VCB	Kỳ Đồng
		Cộng:	36		Sinh viên	216.000.000			
II	KHÓA TN_23D_SV được miễn học phần Tiếng Anh 4 (3 tín chỉ)_Nộp minh chứng miễn học kỳ 2/2025								
1	2321002712	Trần Thị Thùy	Dung	24/10/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1043060565	VCB	Kỳ Đồng
2	2321003286	Hồ Nguyễn Ngọc	Hân	07/12/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1041741504	VCB	Kỳ Đồng
3	2321002796	Lê Hoàng	Huy	26/05/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1043029897	VCB	Kỳ Đồng
4	2321002874	Vũ Hoàng	Long	24/10/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1043029892	VCB	Kỳ Đồng

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh
5	2321003374	Nguyễn Thụy Thanh	Ngân	09/06/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1041741203	VCB	Kỳ Đồng
6	2321003102	Nguyễn Thị Minh	Trang	29/08/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1043060717	VCB	Kỳ Đồng
7	2321003104	Phạm Thùy	Trang	08/08/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1041742205	VCB	Kỳ Đồng
8	2321003518	Tô Trần Thùy	Trang	01/12/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1041740787	VCB	Kỳ Đồng
9	2321003198	Võ Thanh	Vy	30/04/2005	TN_23DTC01	4.770.000	1043044603	VCB	Kỳ Đồng
		Cộng:	9		Sinh viên	42.930.000			
III	KHÓA TN_24D								
1	2421001323	Trần Hoàng Minh	Ánh	20/01/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390313	VCB	Kỳ Đồng
2	2421001295	Phạm Văn	Ân	30/03/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386829	VCB	Kỳ Đồng
3	2421001333	Mai Ngọc Bảo	Châu	10/10/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386948	VCB	Kỳ Đồng
4	2421001334	Nguyễn Hồng Ngọc	Châu	07/11/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386299	VCB	Kỳ Đồng
5	2421001357	Nguyễn Thị	Dung	06/01/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386641	VCB	Kỳ Đồng
6	2421001371	Phạm Thị Mỹ	Duyên	11/07/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386439	VCB	Kỳ Đồng
7	2421001372	Trần Thùy	Duyên	09/10/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386601	VCB	Kỳ Đồng
8	2421001374	Nguyễn Hoàng Linh	Giang	05/07/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386732	VCB	Kỳ Đồng
9	2421001378	Trần Thị Thanh	Hà	09/03/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390228	VCB	Kỳ Đồng
10	2421003714	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Hân	31/03/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386415	VCB	Kỳ Đồng
11	2421001418	Huỳnh Anh	Huy	03/06/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390501	VCB	Kỳ Đồng
12	2421001424	Nguyễn Quốc	Huy	11/12/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387674	VCB	Kỳ Đồng
13	2421001426	Trần Gia	Huy	06/12/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390855	VCB	Kỳ Đồng
14	2421001432	Phan Như Trúc	Huyền	30/07/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387134	VCB	Kỳ Đồng
15	2421001411	Nguyễn Tiến	Hung	21/02/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386861	VCB	Kỳ Đồng
16	2421003767	Phạm Minh	Khôi	31/08/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386586	VCB	Kỳ Đồng
17	2421001477	Huỳnh Tấn	Lực	06/12/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386588	VCB	Kỳ Đồng
18	2421001478	Hoàng Thị Cẩm	Ly	16/03/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390207	VCB	Kỳ Đồng

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh
19	2421001482	Nguyễn Thị Xuân	Mai	08/01/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390785	VCB	Kỳ Đồng
20	2421003810	Đặng Nguyễn Nhật	My	10/07/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387074	VCB	Kỳ Đồng
21	2421001487	Đặng Thị Trà	My	03/10/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390636	VCB	Kỳ Đồng
22	2421003819	Đỗ Khánh	Ngân	20/05/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387030	VCB	Kỳ Đồng
23	2421001503	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13/08/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386560	VCB	Kỳ Đồng
24	2421001529	Bùi Thị Thanh	Nhi	20/06/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387625	VCB	Kỳ Đồng
25	2421001538	Mai Thị Yến	Nhi	05/07/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387657	VCB	Kỳ Đồng
26	2421001542	Phạm La Tổ	Nhi	14/11/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390497	VCB	Kỳ Đồng
27	2421003874	Trần Xuân	Nhi	16/06/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387298	VCB	Kỳ Đồng
28	2421001579	Phạm Tiến	Phúc	31/12/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386893	VCB	Kỳ Đồng
29	2421001582	Đào Ngọc Lam	Phương	14/04/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387661	VCB	Kỳ Đồng
30	2421001588	Huỳnh Phú	Quang	05/09/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387513	VCB	Kỳ Đồng
31	2421001668	Lê Thụy Cẩm	Tiên	10/09/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390451	VCB	Kỳ Đồng
32	2421001671	Phí Thủy	Tiên	13/04/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387344	VCB	Kỳ Đồng
33	2421001726	Nguyễn Vũ	Ty	02/09/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386771	VCB	Kỳ Đồng
34	2421001621	Nguyễn Phương	Thảo	09/04/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051388355	VCB	Kỳ Đồng
35	2421001627	Đặng Thị Kim	Thật	15/06/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390330	VCB	Kỳ Đồng
36	2421001633	Vương Quốc	Thịnh	16/07/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390471	VCB	Kỳ Đồng
37	2421001662	Đỗ Lê Gia	Thủy	11/06/2005	TN_24DTC01	6.800.000	1051387604	VCB	Kỳ Đồng
38	2421003962	Nguyễn Anh	Thư	16/09/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390266	VCB	Kỳ Đồng
39	2421001651	Phan Thị Mai	Thư	21/10/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390469	VCB	Kỳ Đồng
40	2421003970	Trần Anh	Thư	09/01/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390698	VCB	Kỳ Đồng
41	2421001678	Trương Thị Mỹ	Trà	18/02/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386825	VCB	Kỳ Đồng
42	2421001692	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/05/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387329	VCB	Kỳ Đồng
43	2421001703	Huỳnh Thanh	Trúc	26/07/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051387414	VCB	Kỳ Đồng

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Thành tiền (đ)	Số Tài khoản	Ngân hàng	Chi nhánh
44	2421001706	Hoàng Thanh	Trung	01/01/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390414	VCB	Kỳ Đồng
45	2421004036	Lương Chí	Vĩ	22/12/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051386759	VCB	Kỳ Đồng
46	2421004047	Ngô Nguyễn Tường	Vy	27/05/2005	TN_24DTC01	6.800.000	1051388414	VCB	Kỳ Đồng
47	2421004048	Nguyễn Hà	Vy	23/04/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051388500	VCB	Kỳ Đồng
48	2421001748	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	15/12/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390780	VCB	Kỳ Đồng
49	2421001768	Trần Phan Hải	Yến	18/10/2006	TN_24DTC01	6.800.000	1051390672	VCB	Kỳ Đồng
		Cộng:	49		Sinh viên	333.200.000			
		Tổng cộng:	94		Sinh viên	592.130.000			

Năm trăm chín mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn./-

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG






Thái Thị Lan Anh

Nguyễn Lai Dương Phong

Hoàng Thái Hưng

Phạm Tiến Đạt



